



ISSN 1859 - 2171

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 87 NĂM THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 172, số 12/2, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hà Xuân Hương - Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái	3
Ngô Thị Thu Trang - Một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông	9
Nguyễn Thị Hà, Vũ Thị Hồng Hoa - Nâng cao tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử	15
Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Mai Hương, An Thị Thư, Nguyễn Thị Hồng - Phát triển chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng chuẩn mực kế toán quốc tế	21
Nguyễn Thị Hòa - Sử dụng tuyển tập “Những lá thư thời chiến Việt Nam” trong giáo dục lịch sử	27
Nguyễn Thị Xuân Thu, Phạm Ngọc Duy - Những tác động của việc sử dụng sơ đồ ngữ nghĩa đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	33
Vũ Kiều Hạnh, Hoàng Thị Cương - Nghiên cứu kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ 2 tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện tăng cường	39
Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo vệ quyền nhân thân cho lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	45
Nguyễn Thị Thắm - Hành trình tìm kiếm hạnh phúc của nhân vật nữ trong <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i> của Le Clézio	51
Lê Thị Lưu, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự - Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường giáo dục tại trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM	57
Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ - Nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè - Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	63
Dương Thanh Tinh, Trần Văn Quyết, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng - Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số thông qua phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	69
Nguyễn Thu Nga, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Diệu Hồng - Sử dụng hàm Cobb - Douglas tuyến tính để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	75
Phùng Thanh Hoa, Bùi Thị Thanh Thủy - Tác động của kinh tế thị trường đến nông thôn Việt Nam hiện nay	81
Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Sombath Kingbounkai - Quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào	87
Vi Thị Phương - Sử dụng báo chí vào công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam, nhìn từ góc độ tạp chí <i>Tao Đàn</i> (1939)	93
Nguyễn Thị Minh Loan - Đề xuất mô hình tập huấn dạy đặt câu hỏi trong kỹ năng đọc hiểu	99
Nguyễn Thị Bích Ngọc - Đánh giá nội dung và việc giảng dạy học phần bút ngữ tiếng Anh trung cao cấp 2 tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên xét từ góc độ sinh viên	105
Nguyễn Mai Linh, Trần Minh Thành, Dương Thị Hồng An - Kết hợp sử dụng hồ sơ học tập (Portfolio) và thuyết trình nhóm trong dạy và học các khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận hậu phương pháp luận	111
Trần Thị Kim Hoa - Phát triển năng lực sử dụng từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số qua các bài tập về từ	117
Trần Tú Hoài - Một số nội dung cơ bản của chính sách phát triển giảng viên qua thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Rèn luyện phong cách làm việc quần chúng của người cán bộ theo phong cách Hồ Chí Minh	127

Tổng Thị Phương Thảo - Bảo vệ quyền của lao động nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo pháp luật lao động Việt Nam	131
Lương Thị Hạnh - Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Kạn	137
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền - Một số vấn đề về việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay	143
Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng - Xác suất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	149
Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền, Dương Tuấn Việt - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình- tỉnh Cao Bằng	155
Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm - Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	161
Nguyễn Thị Hiền Thương, Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Kiều Thu Hương, Vũ Thị Hải Anh - Sự tham gia của người dân trong việc thực hiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng - chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	169
Vũ Bạch Diệp, Mai Việt Anh - Huy động vốn cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thực trạng và một số giải pháp	175
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hoàng Huyền Trang - Thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn khẩu ngữ cao cấp cho sinh viên Trung Quốc tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên	181
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Những lỗi về câu thường gặp trong bài viết tiếng Anh học thuật của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	187
Hà Thị Thanh Hoa, Chu Thị Kim Ngân, Dương Thị Thúy Hương - Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tỉnh Thái Nguyên	193
Vũ Thị Loan, Vũ Thị Hậu - Vai trò của giá cổ phiếu đối với dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp: Mô hình SVM	199
Hồ Thị Mai Phương, Hoàng Thị Tú, Trần Nguyệt Anh - Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập trong hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	205
Đồng Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu Hường, Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hằng - Ứng dụng mô hình logistic xếp hạng tín dụng doanh nghiệp xây dựng niềm yết tại Việt Nam	211
Hà Thị Hòa, Hồ Ngọc Sơn - Phân tích chuỗi giá trị qua các kênh tiêu thụ sản phẩm Sơn tra tại Yên Bái	219

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG VỀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN BẰNG BẢNG HỎI DREEM

Lê Thị Lựu*, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự
Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả nhận thức và xác định sự phù hợp của bảng hỏi DREEM về nhận thức môi trường giáo dục của sinh viên Cử nhân điều dưỡng (CNĐD), Trường Đại học Y Dược. **Phương pháp:** Mô tả cắt ngang bằng bảng hỏi DREEM 187 SV CNĐD trong tháng 6/2017. **Kết quả:** Điểm số trung bình nhận thức về học tập, giảng viên, học thuật, môi trường, xã hội và tổng điểm theo DREEM gốc lần lượt là 28,7; 28,7; 18,6; 28,7; 16,5 và 121,1; tương ứng. Sau khi phân tích độ tin cậy và nhân tố khám phá EFA còn 26 câu phù hợp với SV điều dưỡng. **Kết luận:** Nhận thức về môi trường giáo dục của SV CNĐD có nhiều ưu điểm hơn nhược điểm; bảng hỏi DREEM phù hợp để đánh giá nhận thức sau khi sửa đổi.

Từ khóa: *Bảng hỏi DREEM, nhận thức, môi trường giáo dục, sinh viên cử nhân điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Harden (2001) môi trường giáo dục của một nhà trường bao gồm quan hệ giữa sinh viên (SV) và giảng viên (GV), các phương pháp/kỹ năng giảng dạy và học tập, nhu cầu tâm lý xã hội và cảm xúc của sinh viên, cũng như cơ sở vật chất và trang thiết bị. Môi trường giáo dục ảnh hưởng quan trọng tới thành tích học tập của SV và tạo ra năng lực cho họ [3].

Mặc dù đã có một số công cụ khác nhau đã chứng minh tính giá trị mạnh mẽ và độ tin cậy đo lường cao, song được sử dụng rộng rãi và chấp nhận trong môi trường giáo dục y tế là công cụ đánh giá môi trường giáo dục Dundee (DREEM) của De Roff xây dựng từ năm 1997. Bộ công cụ này đo lường nhận thức của sinh viên về môi trường giáo dục trong năm lĩnh vực: Học tập; Giảng dạy; Nhận thức về học thuật; Môi trường và Tự nhận thức xã hội đã được báo cáo trong 40 bài báo từ 20 quốc gia khác nhau (châu Á, châu Âu, châu Phi) qua phân tích tổng hợp từ 1997-2011 của Miles [5].

Hiện nay, Trường Đại học Y Dược có 5 mã ngành đào tạo đại học. Trải qua gần 50 năm

xây dựng, trường thành, hàng nghìn bác sĩ, dược sĩ, cử nhân điều dưỡng tốt nghiệp đã, đang phục vụ tốt, đáp ứng nhu cầu xã hội. Một trong các thay đổi lớn về cách thức đào tạo là sự chuyển đổi phương pháp đào tạo theo học chế tín chỉ, lấy người học làm trung tâm, GV và SV giảng dạy cũng như học tập dựa trên vấn đề, giáo dục dựa vào cộng đồng... Việc đánh giá nhận thức về môi trường giáo dục theo DREEM chưa được thực hiện ở trường Y nào trên toàn quốc và nhằm cung cấp dữ liệu khách quan giúp Nhà trường cải tiến các khía cạnh chưa tốt, do đó chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm mục tiêu: Mô tả nhận thức và xác định sự phù hợp của bảng hỏi DREEM để đánh giá môi trường giáo dục đối với SV ngành điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược-Đại học Thái Nguyên năm 2017.

KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu

Các sinh viên ngành điều dưỡng đang theo học tại Trường từ năm thứ nhất đến năm thứ ba được khảo sát (năm thứ tư được loại bỏ do các SV này chuẩn bị tốt nghiệp).

Tiêu chuẩn chọn: Tình nguyện tham gia phỏng vấn; Không trong thời gian kỷ luật từ

* Tel 0975818099; Email: lethiluuytkn@gmail.com

cảnh cáo trở lên (sai lạc số liệu); Hoàn thành trả lời đầy đủ các câu hỏi.

Phương pháp nghiên cứu

Mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu: Chọn có chủ đích các SV theo danh sách biên chế lớp có 219 SV được khảo sát trong tổng số 4 lớp.

Địa điểm: Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

Thời gian: Tháng 6/2017.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu này đã được Hội đồng Đạo đức của Nhà trường phê chuẩn. Các số liệu thu nhận được hoàn toàn bảo mật.

Công cụ nghiên cứu

Bảng câu hỏi DREEM ngoài các câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu (tuổi tác, giới tính, dân tộc...) là bảng 50 câu hỏi với số điểm tối đa là 200, được phân thành 5 lĩnh vực chính: 1) Nhận thức về học tập (12 câu/48 điểm), 2) nhận thức về giảng viên (11 câu/44 điểm), 3) nhận thức về học thuật (8 câu/32 điểm), 4) nhận thức về môi trường (12 câu/48 điểm) và 5) tự nhận thức xã hội (7 câu/28 điểm). Bộ câu hỏi đã được dùng để đánh giá môi trường giáo dục y học tại 20 quốc gia trên thế giới, đã được nhóm nghiên cứu dịch sang tiếng Việt và hiệu chỉnh bởi các chuyên gia Trường Đại học Y Hà Nội. Trong nước, nhóm nghiên cứu chưa thấy có đề tài nào tương tự với bảng hỏi này.

Mỗi mục của bảng hỏi được đánh giá trên thang đo Likert năm mức độ: rất đồng ý, đồng ý, trung lập, không đồng ý và rất không đồng ý. Cách tính điểm bộ DREEM như sau: số điểm lần lượt là 4; 3; 2; 1 và 0 cho các mức độ từ hoàn toàn đồng ý tới hoàn toàn không đồng ý. Tuy nhiên, 9 trong số 50 câu hỏi (câu số 4, 8, 9, 17, 25, 35, 39, 48 và 50) là các câu phủ định và cách tính điểm ngược lại. Tổng điểm DREEM tối đa là 200 cho thấy môi trường giáo dục lý tưởng; 151-200 là rất tuyệt vời; 101-150 nhiều khía cạnh tốt hơn không

tốt; 51-100 có nhiều vấn đề cần sửa đổi; 0-50 là rất kém.

Bảng hỏi DREEM được phát cho các SV tham gia khảo sát. Sau khi được hướng dẫn, tất cả sinh viên sẽ dành 10 đến 15 phút để hoàn thành bảng câu hỏi.

Xử lý số liệu

Tất cả dữ liệu được nhập, lưu dưới dạng tệp ở phần mềm SPSS 20.0.

Mô hình phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hệ số Cronbach's alpha được sử dụng để xác định mô hình phù hợp và độ tin cậy của bộ câu hỏi.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Đặc điểm nhóm nghiên cứu

187 SV hoàn thành bộ câu hỏi (đạt 85,4%). Trong đó, 183 là nữ giới (97,9%), có nhiều SV nam từ chối khảo sát; dân tộc thiểu số chiếm 17,6% (33 SV), số SV người dân tộc thiểu số tại Trường luôn chiếm tỷ lệ không nhỏ, phản ánh tính vùng miền khi SV chủ yếu đến từ các tỉnh Đông Bắc và Tây Bắc.

Điểm số nhận thức theo bộ câu hỏi DREEM

Bảng 1. Điểm nhận thức trung bình các lĩnh vực theo bộ DREEM gốc

Các lĩnh vực	Điểm trung bình $\pm$ SD (min-max)	Điểm tối đa	Số câu hỏi
Nhận thức về học tập	28,7 $\pm$ 4,5 (11-39)	48	12
Nhận thức về giảng viên	28,7 $\pm$ 4,9 (19-38)	44	11
Nhận thức về học thuật	18,6 $\pm$ 3,9 (4-30)	32	8
Nhận thức về môi trường	28,7 $\pm$ 4,1 (16-40)	48	12
Tự nhận thức xã hội	16,5 $\pm$ 3,1 (9-26)	28	7
Điểm tổng	121,1 $\pm$ 15,9 (83-157)	200	50

Bảng 1 cho thấy điểm trung bình các lĩnh vực đều trên 50% so với điểm tối đa. Điểm tổng của DREEM đạt 121,1 điểm, tương ứng với ý nghĩa nhiều mặt ưu điểm hơn so với hạn chế.

Các nghiên cứu chúng tôi tìm hiểu đều thấy tính điểm theo bộ 50 câu hỏi sau đó mới phân tích sự phù hợp, như báo cáo của Ceron Mackay (2015) với điểm số từ 115 SV là 126-132 (tùy theo chương trình học [1], hay tác giả Hamid (2013) là 114,3 điểm [2]. Có lẽ do nghiên cứu này lấy tất cả loại hình đào tạo, còn nghiên cứu của chúng tôi tập trung SV đại học (trình độ nhận thức tốt hơn), thấp hơn so với báo cáo của Rochmawati (2014) nghiên cứu từ 232 SV điều dưỡng với 131,03 điểm [9], điều này cho thấy mặc dù điều kiện học tập tại các quốc gia là khác nhau, nhưng các SV điều dưỡng trong nghiên cứu này đã khá “công tâm” khi trả lời phiếu, phản ánh sự cảm thông, chia sẻ của SV nhà trường với khó khăn chung của Việt Nam. Còn nghiên cứu tại Hy Lạp (2012), số điểm tổng được quy đạt 56% (=112 điểm) [7], cũng tương tự các nghiên cứu ở châu Á, châu Phi khác. Kết quả từ 673 SV tại Anh qua báo cáo của Ousey (2014) có điểm nhận thức từ 101-150, trong đó với SV vật lý trị liệu và điều dưỡng đạt điểm cao hơn SV y khoa [8].

Sự phù hợp của bảng hỏi DREEM

Chúng tôi tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA từng lĩnh vực trong 50 câu hỏi của bộ DREEM theo phương pháp principal components với hệ số eigenvalues ≥ 1 ; 25 lần xoay tối đa; ma trận xoay theo varimax và hệ số tải nhân tố $> 0,5$. Kết quả với 5 nhân tố gốc đều có hệ số KMO thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$, như vậy phân tích khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế. Đồng thời ta thấy kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa với $p < 0,0001$. Mô hình cuối cùng được thể hiện với các nhân tố mới thích hợp và hệ số Cronbach's alpha đều $> 0,6$. Hệ số tin cậy đạt cao tương tự như báo cáo của Imanipour (2015) qua khảo sát 500 SV điều dưỡng và hộ sinh [4], điều này khẳng định giá trị của bộ câu hỏi DREEM. Cuối cùng chúng tôi thu nhận có 26 câu hỏi phù hợp với khảo sát SV nhà trường so với 50 câu bộ gốc. Chúng tôi nhận thấy, cỡ mẫu nghiên cứu không đủ lớn,

bảng câu hỏi do SV tự điền, nội dung các câu hỏi đan xen giữa câu hỏi xuôi và câu hỏi ngược làm cho SV đôi khi nhầm lẫn về điền phiếu. Biết trước tình trạng này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát của 4 mã ngành đào tạo còn lại để có cỡ mẫu đủ lớn (trên 1000 phiếu), lúc đó sẽ có công bố đại diện và khoa học hơn. Ngoài ra, cần có sự thống nhất chung của các trường y trên thế giới về mô hình DREEM nếu muốn so sánh quốc tế.

Kết quả nhận thức SV qua 26 câu hỏi sau hiệu chỉnh

Tại Bảng 2 sau nhiều lần xoay ma trận và tính hệ số tin cậy, chúng tôi loại bỏ lần lượt các câu hỏi của từng nhân tố không thích hợp với đối tượng nghiên cứu. Với nhân tố nhận thức về học tập còn 5/12 câu hỏi gốc, với hệ số tin cậy 0,758, tổng trị số phương sai trích (cumulative) là 50,9% điều này có nghĩa là 50,9% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát. Với kết quả điểm số, chúng tôi thấy câu Q20 (*Các giờ giảng có trọng tâm tốt, đáp ứng mục tiêu bài học*) là một trong năm câu khảo sát có điểm số tốt nhất. Như vậy, có thể thấy các SV CNDD đã hoàn thành tốt các mục tiêu bài học của mình.

Với cách tương tự, về nhân tố nhận thức giảng viên (GV) còn 7/11 so với câu gốc được chia thành 2 nhân tố mới, hệ số tin cậy ở mỗi nhân tố mới này đều $> 0,6$, trị số phương sai trích đạt 61,5%. Rất đáng chú ý có 4/5 câu hỏi có kết quả khảo sát tốt nhất về nhận thức GV và 1/5 câu kết quả tồi nhất. Các câu có kết quả cao là Q39 (*Một số GV có biểu hiện câu kinh, bức tức trong giờ giảng*), câu Q9 (*Các GV độc đoán/gia trưởng, ít lắng nghe các thắc mắc từ SV*), câu Q6 (*Các GV biết cách tiếp cận bệnh nhân làm trung tâm để hướng dẫn/khám bệnh*), Q37 (*Các GV luôn cho các ví dụ rõ ràng, dễ hiểu*) và câu có kết quả thấp là Q8 (*Các GV thường phê phán, ít động viên khích lệ SV*). Sự trộn lẫn câu hỏi phù định/khẳng định dẫn tới kết quả khá ngược nhau, tuy nhiên với 4 câu kết quả tốt hơn cũng là một kênh thông tin quan trọng cho các GV điều dưỡng.

Bảng 2. Phân tích EFA bộ DREEM, điểm trung bình và điểm tổng của từng nhân tố thực tế

Nhân tố	Nhân tố 1	Nhân tố 2	Nhân tố 3	Hệ số tin cậy	Phương sai trích %	Điểm ($\pm$ SD)	Tổng điểm từng nhân tố ($\pm$ SD)
Nhận thức học tập	Q22	0,835				2,3 $\pm$ 0,8	
	Q16	0,753				2,4 $\pm$ 0,8	
	Q24	0,728		0,758	50,9	2,4 $\pm$ 0,8	12,1 $\pm$ 2,8
	Q20	0,644				2,6 $\pm$ 0,7	
	Q7	0,584				2,3 $\pm$ 0,7	
Nhận thức giảng viên	Q39	0,830				2,7 $\pm$ 1,1	
	Q9	0,818		0,818		2,6 $\pm$ 1,0	
	Q50	0,816				2,5 $\pm$ 1,0	
	Q8	0,731			61,5	2,3 $\pm$ 0,9	17,9 $\pm$ 3,9
	Q37		0,759			2,6 $\pm$ 0,9	
	Q6		0,749	0,612		2,6 $\pm$ 0,7	
	Q40		0,714			2,5 $\pm$ 0,8	
Nhận thức học thuật	Q5	0,877		0,671		2,2 $\pm$ 0,9	
	Q26	0,853			74,9	2,3 $\pm$ 0,8	9,1 $\pm$ 2,3
	Q10		0,867	0,651		2,2 $\pm$ 0,8	
	Q45		0,847			2,4 $\pm$ 0,8	
Nhận thức môi trường	Q23	0,852				2,2 $\pm$ 0,7	
	Q49	0,716		0,663		2,5 $\pm$ 0,8	
	Q36	0,681				2,3 $\pm$ 0,8	
	Q43		0,799		66,6	2,3 $\pm$ 0,8	19,0 $\pm$ 3,5
	Q34		0,745	0,622		2,4 $\pm$ 0,8	
	Q30		0,698			2,5 $\pm$ 0,7	
	Q11		0,907	0,733		2,3 $\pm$ 0,8	
	Q12		0,773			2,5 $\pm$ 0,8	
Nhận thức xã hội	Q46	0,888		0,731	78,8	2,6 $\pm$ 0,8	4,9 $\pm$ 1,5
	Q19	0,888				2,4 $\pm$ 0,9	

(Ghi chú: đậm thẳng là các câu hỏi có điểm số cao nhất, đậm nghiêng là có điểm số thấp nhất).

Về học thuật có 4/7 câu phù hợp với khảo sát SV điều dưỡng, với hệ số Cronbach's Alpha > 0,6, tổng phương sai trích đạt 74,9%. Điểm số các câu hỏi đều đạt trên trung bình, tuy nhiên có 3/5 câu có điểm trung bình thấp nhất. Đó là câu Q10 (Tôi tự tin sẽ vượt qua các tin chỉ trong năm học này), Q5 (Chiến

lược học tập do tôi đề ra đã có hiệu quả đối với tôi tính tới thời điểm hiện tại) và câu Q26 (Công việc (kết quả) của năm ngoài đã là một sự chuẩn bị tốt cho việc học tập năm nay). Kết quả này đòi hỏi công tác định hướng, tư vấn nghề nghiệp tương lai của GV nhà trường nói chung và GV điều dưỡng nói riêng.

Có 8/12 câu hỏi được giữ lại trong cùng một nhân tố để phân tích về nhận thức môi trường của nhà trường chia thành 3 nhân tố mới. Kết quả với hệ số tin cậy đều trên 0,6; tổng phương sai trích đạt 66,6% cho thấy khía cạnh này cũng thích hợp để tiến hành khảo sát. Trong các câu hỏi nhân tố này có câu Q23 (*Có bầu không khí thoải mái, cởi mở trong các giờ học*) là 1 trong 5 câu điểm số tối nhất, điều này cùng với kết quả khảo sát GV cho thấy cán bộ, viên chức cũng như SV CNĐĐ cần quan tâm lẫn nhau tốt hơn để SV thực sự yên tâm khi học tập, rèn luyện trong nhà trường.

Cuối cùng là tự nhận thức xã hội chỉ có 2/7 câu phù hợp để khảo sát, các câu hỏi lược bỏ đều là các câu có ý nghĩa phủ định/tiêu cực.

Qua nghiên cứu, phân tích, chúng tôi thấy bộ câu hỏi DREEM khá phù hợp để khảo sát nhận thức môi trường giáo dục của SV điều dưỡng, với 26/50 câu sau khi đã loại bỏ một số câu (chủ yếu là các câu hỏi ngược). Điều rất trùng hợp ở nghiên cứu này so với tác giả Morge (2016) công bố năm 2016 khi các câu loại bỏ sau phân tích hệ số tin cậy, như câu 25, 48, 17, 50, 4 [6], từ đó khuyến nghị cần phải xem xét sự phù hợp của các câu hỏi này với SV Việt Nam nói riêng, cũng như ở các quốc gia kém phát triển nói chung.

KẾT LUẬN

Đây là nghiên cứu đầu tiên để đánh giá các đặc tính tâm lý bằng bộ DREEM trong 187SV CNĐĐ với điểm số nhận thức tổng đạt 121,1 (nhiều ưu điểm hơn nhược điểm).

Có 26/50 câu hỏi phù hợp để khảo sát qua phân tích nhân tố khám phá EFA và tính hệ số tin cậy của bộ câu hỏi sau hiệu chỉnh.

KIẾN NGHỊ

Chúng tôi đang tiếp tục thu nhận các phiếu khảo sát SV chuyên ngành khác để có thể ứng

dụng toàn diện của thang đo DREEM phù hợp trong Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ceron Mackay M.C, Garbarini Crisostomo A, Parro Fluxa J, et al. (2015), "Impact of curricular change on the perception of the educational environment by nursing students", *Invest Educ Enferm*, 33 (1), pp. 63-72.
2. Hamid B, Faroukh A, and Mohammadhosein B (2013), "Nursing Students' Perceptions of their Educational Environment Based on DREEM Model in an Iranian University", *Malays J Med Sci*, 20 (4), pp. 56-63.
3. Harden R.M (2001), "AMEE Guide No. 21: Curriculum mapping: a tool for transparent and authentic teaching and learning", *Med Teach*, 23 (2), pp. 123-137.
4. Imanipour M, Sadooghiasl A, Ghiyasvandian S, et al. (2015), "Evaluating the Educational Environment of a Nursing School by Using the DREEM Inventory", *Glob J Health Sci*, 7 (4), pp. 211-216.
5. Miles S, Swift L, and Leinster SJ (2012), "The Dundee Ready Education Environment Measure (DREEM): a review of its adoption and use", *Med Teach*, 34 (9), pp. e620-634.
6. Mogre V, Amalba A (2016), "Psychometric properties of the dundee ready educational environment measure in a sample of Ghanaian Medical Students", *Educ Health (Abingdon)*, 29 (1), pp. 16-24.
7. Ostapczuk M.S, Hugger A, de Bruin J, et al. (2012), "DREEM on, dentists! Students' perceptions of the educational environment in a German dental school as measured by the Dundee Ready Education Environment Measure", *Eur J Dent Educ*, 16 (2), pp. 67-77.
8. Ousey K, Stephenson J, Brown T, et al. (2014), "Investigating perceptions of the academic educational environment across six undergraduate health care courses in the United Kingdom", *Nurse Educ Pract*, 14 (1), pp. 24-29.
9. Rochmawati E, Rahayu GR, and Kumara A (2014), "Educational environment and approaches to learning of undergraduate nursing students in an Indonesian school of nursing", *Nurse Educ Pract*, 14 (6), pp. 729-733.

SUMMARY

THE BACHELOR OF NURSING STUDENTS' PERCEPTION OF EDUCATIONAL ENVIRONMENT AT UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY - THAI NGUYEN UNIVERSITY BY DREEM QUESTIONNAIRE

Le Thi Luu^{*}, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al
University of Medicine and Pharmacy - TNU

Objective: Describe perception and determine the suitability of the questionnaire DREEM with educational environment for bachelor of nursing students (BNS), University of Medicine and Pharmacy. **Methods:** The cross-sectional descriptive study was carried out in 187 BNS by DREEM questionnaire in 6/2017. **Results:** The mean scores for perception of study, lecturer, academic, environment, society and total score following the original DREEM were 28.7; 28.7; 18.6; 28.7; 16.5 và 121.1; respectively. After analyzing the reliability and factors of EFA down 26 questions were suitable. **Conclusions:** Educational environment through BNS perception had more advantages than disadvantages; The DREEM questionnaire was appropriate to evaluate the perception of educational environment in medicine after being modified.

Keywords: *DREEM questionnaire, perception, educational environment, bachelor of nursing students, University of Medicine and Pharmacy - TNU.*

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 29/9/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

^{*} Tel 0975818099; Email: lethiluuyktn@gmail.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyen Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219